**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TUYÊN HOÁ**
**TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày: 25/4/2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Minh Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Minh Khai

2. Ông Trần Xuân Thuận

***Thư ký phiên toà***: Ông Đinh Quang Vịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình:*** Không tham gia phiên toà

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Bình "có mặt"

Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Bình "vắng mặt"

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 07/11/2018, tại bản tự khai ngày 17/01/2019 và tại phiên toà chị Lê Thị Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Chí T tìm hiểu hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, vợ chồng kết hôn vào ngày 22/4/2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Bước đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn vì không hợp tính nhau, không cùng chung quan

điểm sống, vợ chồng thiếu quan tâm đến nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, mặc dù được hai bên nội ngoại nhiều lần hòa giải, góp ý nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng hơn nên vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị có nguyện vọng ly hôn anh Nguyễn Chí T để hai bên ổn định cuộc sống mới.

Về con chung của vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Chí T có với nhau một con chung là Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 01/8/2011. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Hai bên sẽ tự thỏa thuận về tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/01/2019 anh Nguyễn Chí T trình bày:

Anh và chị Lê Thị Q tìm hiểu và kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, vợ chồng đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã N. Bước đầu chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn vì không hợp tính nhau, không cùng chung quan điểm sống, hai người thiếu quan tâm đến nhau. Vì công việc nên anh thường xuyên phải xa nhà, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện nay vợ chồng không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q.

Về con chung của vợ chồng: Hai người có với nhau một con chung là Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 01/8/2011. Sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Hai bên tự thỏa thuận phân chia tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 22/01/2019 Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị Hoài T, tại biên bản lấy lời khai cháu T trình bày:

Hiện tại cháu đang học lớp 2 tại trường tiểu học N, bản thân cháu không muốn bố mẹ ly hôn nên cháu muốn ở cùng cả bố và mẹ.

Toà án đã tiến hành giải quyết vụ án và hoà giải nhưng không đạt kết quả. Về quan hệ hôn nhân chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Chí T đều đồng ý ly hôn. Về nuôi con chung, Chị Lê Thị Q có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh Nguyễn Chí T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, anh Nguyễn Chí T cũng có nguyên vọng được nuôi con và không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Về tài sản chung, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Chí T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 22/4/2010 tại UBND xã N. Bước đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ

chồng bất đồng quan điểm, thiếu tin tưởng nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không đạt kết quả.

Xét thấy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay nên việc dàn xếp mâu thuẫn là khó khăn, chị Q có nguyện vọng được ly hôn. Anh Nguyễn Chí T nhất trí theo yêu cầu của chị Q là hoàn toàn tự nguyện, tại phiên tòa anh T vắng mặt, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự  xử chị Lê Thị Q ly hôn vắng mặt anh Nguyễn Chí T.

[2] Về nuôi con chung của vợ chồng: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 01/8/2011. Chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Chí T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, nguyện vọng của chị Q và anh T đều chính đáng. Ngày 22/01/2019 Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị Hoài T nhưng cháu T khai không biết ở với ai và không muốn bố mẹ ly hôn. Xét thấy thời gian chị Q và anh T sống ly thân thì cháu T ở với chị Q nên để đảm bảo việc sinh hoạt và học tập cho cháu cần chấp nhận nguyện vọng của chị Q là phù hợp hơn. Vì vậy áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Thị Hoài T cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Chí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Chí T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử chị Lê Thị Q ly hôn vắng mặt anh Nguyễn Chí T.

2. Về nuôi con chung của vợ chồng: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 01/8/2011 cho chị Lê Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Chí T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 5 năm 2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại, chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị

Lê Thị Q đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 0003676 ngày 10/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hoá nay được khấu trừ, chị Q đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Chí T phải chịu 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/4/2019). Đối với bị đơn vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án nơi cư trú.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hoá;
- Chi cục THADS huyệnTuyên Hoá;
- Các đương sự;
- UBND xã (thị trấn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Nguyễn Minh Toàn**